

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2022/KDTM-PT

Ngày: 21/4/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thọ Viên

Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 152 /2019/TLPT- KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2019/KDTM - ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1132 /2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty H.

Địa chỉ: 14/4A đường A, phường A1, quận A2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Thanh V.

Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 04/UQ-HP ngày 18/4/2022) (Có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Nguyên L, là luật sư tại Công ty Luật TNHH Một thành viên T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bị đơn: Công ty P (tên cũ: Công ty N và M)

Địa chỉ: 122 đường S, Phường S1, quận S2, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trịnh Hải Hòa, địa chỉ: 45 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 02/UQ-HP ngày 20/02/2020) (Có mặt).

Người kháng cáo: Công ty P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Công ty H (sau đây gọi tắt là Công ty H) và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đoàn Thanh Vân là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/5/2008, Công ty H và Công ty P (tên cũ là Công ty N và M, sau đây gọi tắt là Công ty P) có ký hợp đồng tổng thầu EPC số 05/2008/HĐXD-CPHP cho gói thầu số 9: “EPC: Giếng nước ngầm, nhà máy xử lý nước và mạng lưới cấp nước” thuộc dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp cơ khí ô tô Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ: Ấp Hòa Phú, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, giữa hai bên xảy ra tranh chấp và đã được giải quyết bằng Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2014/KDTM-ST ngày 23/6/2014 của Tòa án nhân dân Quận 1 và Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 1296/2014/KDTM-PT ngày 24/9/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán ngày 10/10/2012 giữa Công ty H và Công ty P xác nhận giá trị quyết toán của hợp đồng là 14.809.183.275 đồng. Theo quy định, khi có biên bản nghiệm thu thì Công ty P phải xuất Hóa đơn giá trị gia tăng (sau đây gọi tắt là Hóa đơn GTGT) đối với khoản tiền đã quyết toán. Tuy nhiên Công ty P mới chỉ xuất hóa đơn GTGT cho khoản tiền 12.512.375.677 đồng. Số tiền còn lại 2.296.807.598 đồng từ đó đến nay, Công ty P vẫn không thực hiện việc xuất hóa đơn cho Công ty H. Nay Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P thực hiện việc xuất hóa đơn GTGT đối với khoản tiền còn lại là 2.296.807.598 đồng.

Bị đơn là Công ty P trình bày (Tại bản tự khai ngày 14/3/2017, ông Phạm L là người đại diện hợp pháp của bị đơn):

Công ty N và M đã đổi tên thành Công ty P. Trước đây, Công ty H và công ty N và M có ký hợp đồng tổng thầu EPC số 05/2008/HĐXD-CPHP ngày 12/5/2008 như nguyên đơn trình bày. Giữa hai bên xảy ra tranh chấp và đã được giải quyết bằng Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2014/KDTM-ST ngày 23/6/2014, bản án phúc thẩm số 1296/2014/KDTM-PT ngày 24/9/2014.

Đối với yêu cầu khởi kiện buộc thực hiện việc xuất hóa đơn GTGT đối với khoản tiền là 2.296.807.598 đồng, Công ty P có ý kiến như sau: Số tiền nguyên đơn đã trả theo bản án đã tuyên là tiền giữ lại sau giá trị quyết toán không phải khối lượng phát sinh hay doanh thu phát sinh theo Luật thuế, chứng từ mà Công ty H quyết toán thuế là biên lai và quyết định thi hành án của Chi cục Thi hành án Quận 1. Ngày 16/6/2016, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh có thông báo số 6509/TB-CT ngày 06/6/2016 gửi Công ty P yêu cầu thực hiện việc hủy hóa đơn VAT và xuất hóa đơn trực tiếp đối với doanh thu từ ngày 01/5/2016 trở đi. Tuy nhiên số tiền mà Công ty H đã trả không phải là doanh thu từ sau ngày 01/5/2016. Nay Công ty P kinh doanh gặp khó khăn nên đã tạm dừng hoạt động trên thực tế, không đăng ký ban hành hóa đơn và không sử dụng hóa đơn. Do vậy, Công ty P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty H và có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2019/KDTM - ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H.

Buộc Công ty P(tên cũ là Công ty N và M) có trách nhiệm thực hiện việc xuất hóa đơn GTGT đối với số tiền 2.296.807.598 đồng mà Công ty H đã trả cho Công ty P. Thi hành việc xuất hóa đơn trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 29/11/2019, bị đơn là Công ty P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do:

Bị đơn đã có giấy ủy quyền cho bà Đặng Thị Thúy H đại diện tham gia tố tụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng và không niêm yết tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm cho bị đơn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Quyết định của bản án sơ thẩm áp dụng không đúng quy định pháp luật, không phù hợp quy định về thuế. Hiện nay, căn cứ theo Thông tư 219/2013/TT –BTC, phía bị đơn đã chuyển sang phương pháp tính thuế trực tiếp hơn 03 năm nay. Vì vậy, hóa đơn giá trị gia tăng không có để xuất cho phía nguyên đơn theo nội dung tuyên án của bản án sơ thẩm.

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn đã giải quyết bằng bản án sơ thẩm số 14/2014/KDTMST của Tòa án nhân dân Quận 1 và bản án phúc thẩm số 1296/KDTM – PT của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại để xác định giá trị việc đóng thuế giá trị gia tăng đối với tài sản tranh chấp là không đúng quy định.

Do vậy, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ lại cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là Công ty P có đại diện theo ủy quyền là ông Trịnh Hải H trình bày:

Ý kiến của phía bị đơn như trình bày tại bản án sơ thẩm và đơn kháng cáo nêu trên.

Tại cấp phúc thẩm, phía bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: Các thông báo của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, như: Thông báo số 0172/TB – CT ngày 08/01/2016, V/v: đăng ký áp dụng phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng; Thông báo số 3892/TB –CT ngày 11/4/2016, V/v: đăng ký áp dụng phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng, V/v yêu cầu chuyển đổi phương pháp tính thuế giá trị gia tăng; Thông báo số 5450/CT –KKT ngày 11/5/2016; Thông

báo V/v Thực hiện hủy hóa đơn GTGT của đối tượng chuyển đổi phương pháp tính thuế ngày 06/6/2016.

Hiện tại, phía bị đơn không thể thi hành án việc xuất hóa đơn GTGT cho nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H và hủy bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn là Công ty H có ông Đoàn Thanh V đại diện theo ủy quyền trình bày như Công văn số 60/CV – HP ngày 03/3/2020 như sau:

Số tiền 2.296.807.598 đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn xuất hóa đơn GTGT là số tiền tương ứng giá trị khối lượng theo hồ sơ quyết toán giữa hai bên và số tiền này nằm trong số tiền mà nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn theo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2014/KDTM-ST ngày 23/6/2014 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và bản án phúc thẩm số 1296/2014/KDTM-PT ngày 24/9/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số tiền nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn theo 02 bản án nêu trên là 2.698.884.354đồng).

Việc Công ty P không xuất hóa đơn GTGT cho Công ty H là vi phạm pháp luật về thuế. Công ty P nại lý do đã chuyển sang khai báo thuế trực tiếp để không xuất hóa đơn cho Công ty H là không có căn cứ. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng:

Quá trình từ khi thụ lý đến tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật và thực hiện nội dung ủy quyền theo các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Công văn số 13580/ CT ngày 19/10/2020 Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, xét thấy đến nay Công ty P không thể xuất hóa đơn cho Công ty H nên bản án sơ thẩm không thể đảm bảo việc thi hành án.

Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp kinh doanh thương mại phát sinh từ hợp đồng xây dựng giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh; Bị đơn có trụ sở chính tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn và thủ tục kháng cáo của đương sự hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện niêm yết tổng đạt văn bản tố tụng và bản án sơ thẩm cho Công ty P tại địa chỉ trụ sở của Công ty. Trong hồ sơ vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, không có tài liệu chứng cứ chứng minh phía bị đơn có đại diện theo ủy quyền mà chỉ có đại diện theo pháp luật của Công ty P là ông Phạm L có bản tự khai ngày 14/3/2017, đồng thời đại diện theo pháp luật của Công ty P có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi Tòa án mời làm việc, hòa giải và xét xử. Do vậy, xét thấy ý kiến kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của Công ty P tại cấp phúc thẩm nêu rằng cấp sơ thẩm không tổng đạt văn bản tố tụng cho người đại diện theo ủy quyền và không tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm cho bị đơn làm ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

Phía nguyên đơn là Công ty H trình bày số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn xuất hóa đơn GTGT tương ứng giá trị khối lượng theo hồ sơ quyết toán giữa hai bên và số tiền này nằm trong số tiền mà nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn theo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2014/KDTM-ST ngày 23/6/2014 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và bản án phúc thẩm số 1296/2014/KDTM-PT ngày 24/9/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, tại cấp phúc thẩm, phía bị đơn đã cung cấp các thông báo của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh để chứng minh việc khai báo, đăng ký thuế của phía bị đơn đã chuyển sang phương pháp tính thuế trực tiếp từ ngày 06/6/2016, các thông báo do bị đơn cung cấp nêu trên là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm.

Phần khác, theo Công văn số 13580/ CT ngày 19/10/2020 Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

“...Ngày 08/9/2011, Cục Thuế TP đã có văn bản số 8749/CT – TTHT về chính sách thuế gửi Công ty H có nội dung “ Ngày 21/9/2011, Công ty và nhà thầu xây dựng đã lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình để đưa vào sử dụng thì Công ty P phải lập hóa đơn giao cho Công ty và kê khai thuế GTGT, TNDN theo quy định. Việc Công ty P đến nay vẫn chưa lập hóa đơn cho khối lượng công việc hoàn thành bàn giao tại thời điểm nghiệmk,9 thu (ngày 21/9/2011) là không đúng quy địnhNhư vậy, Công ty P vẫn không lập hóa đơn cho Công ty H khi có văn bản của Cục thuế TP Hồ Chí Minh, đồng thời ngày 07/12/2017, Cục thuế đã có Thông báo số 17638/TB – CT về việc người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký từ ngày

15/9/2017...Các hóa đơn và phiếu xuất kho kiêm và chuyển nội bộ của Công ty P còn tồn chưa sử dụng không còn giá trị sử dụng . Đến ngày 03/7/2020, Cục Thuế TP tiếp tục có Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký đối với Công ty P và được UBND Phường 15, quận Tân Bình xác nhận: Công ty P không còn hoạt động tại địa chỉ trên.

Căn cứ theo quy định pháp luật và trình bày trên thì Công ty P đã vi phạm pháp luật về thuế và Cục thuế đã có thông báo số 17638/TB –CT ngày 07/12/2017 gửi các cơ quan có thẩm quyền về việc Công ty P đã không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh đã đăng ký thuế, không nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Cục thuế không bán hóa đơn cho Công ty P để xuất cho Công ty H Theo quy định.”

Căn cứ tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm, Văn bản trả lời của Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh tại cấp phúc thẩm nêu trên, xét thấy ý kiến kháng cáo của phía bị đơn trình bày không thể thực hiện việc xuất hóa đơn GTGT cho nguyên đơn đối với số tiền tương ứng giá trị khối lượng theo hồ sơ quyết toán giữa hai bên như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như ý kiến kháng cáo của bị đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí:

Công ty H phải chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm theo quy định Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 39, Điều 147, Điều 148 và Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án sơ thẩm như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty H về việc yêu cầu Công ty P(tên cũ là Công ty N và M) có trách nhiệm thực hiện việc xuất hóa đơn GTGT đối với số tiền 2.296.807.598 đồng mà Công ty H đã thanh toán cho Công ty P.

Án phí:

Án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại: Công ty H chịu án phí sơ thẩm là 3.000.000 đồng, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000

đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004014 ngày 02/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty H còn phải nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty H phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)

Hoàn trả cho Công ty P số tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0039480 ngày 02/12/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phong